

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực công thương thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 116 Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành (103 thủ tục hành chính cấp tỉnh và 13 thủ tục hành chính cấp xã), 05 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực công thương thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh và cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, TTPVHCC.

CHỦ TỊCH



Trần Hồng Thái

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC
CÔNG THƯƠNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH VÀ CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH MỚI BAN HÀNH (103 thủ tục)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh Mã TTHC: 1.013778	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.
2	Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép Mã TTHC: 1.013779	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.
3	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá Mã TTHC: 1.013780	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.
4	Cấp chứng chỉ kiểm định viên Mã TTHC: 2.000140	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ;

					- Nghị định số 04/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2017/TT-BCT ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 37/2018/TT-BCT ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 18/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.
5	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên Mã TTHC: 2.000066	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 04/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2017/TT-BCT ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 37/2018/TT-BCT ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 18/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.
6	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 Mã TTHC: 1.003820	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần)	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính;

7	Cấp lại Giấy phép sản xuất hoá chất Bảng 1 Mã TTHC: 1.003775	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 600.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
8	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hoá chất Bảng 1 Mã TTHC: 2.001585	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần)	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 600.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
9	Cấp Giấy phép sản xuất hoá chất Bảng 2 và hoá chất Bảng 3 Mã TTHC: 1.003724	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần)	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
10	Cấp lại Giấy phép sản xuất hoá chất Bảng 2 và hoá chất Bảng 3 Mã TTHC: 2.001722	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 600.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

11	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 Mã TTHC: 1.004031	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần)	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 600.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
12	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hoá chất Bảng 1 Mã TTHC: 2.000431	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
13	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3 Mã TTHC: 2.000257	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
14	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 Mã TTHC: 1.012429	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 600.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
15	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 600.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

	Mã TTHC: 1.012430				- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
16	Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 Mã TTHC: 1.012431	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 600.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
17	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 Mã TTHC: 1.012432	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 600.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
18	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3 Mã TTHC: 1.012433	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 600.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
19	Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 600.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ;

	Mã TTHC: 1.012434				- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
20	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 Mã TTHC: 1.012438	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần)	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
21	Cấp lại Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3 Mã TTHC: 1.012439	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 600.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
22	Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 Mã TTHC: 1.012440	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần)	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 600.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
23	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 Mã TTHC: 1.012441	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần)	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

					- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
24	Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 Mã TTHC: 1.012442	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 600.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
25	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 Mã TTHC: 1.012443	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần)	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 600.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
26	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm hàng hóa Mã TTHC: 2.000604	10 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

27	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định Mã TTHC: 2.001675	10 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
28	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định Mã TTHC: 2.001665	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ;

					- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
29	Thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng Mã TTHC: 1.003390	Không quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày ngày 16 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử; - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
30	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử Mã TTHC: 1.000880	15 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày ngày 16 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử; - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
31	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng Mã TTHC: 2.000243	Không quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày ngày 16 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử; - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

32	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp Mã TTHC: 1.003705	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
33	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương Mã TTHC: 2.000324	15 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
34	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG Mã TTHC: 2.001424	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của.
35	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG Mã TTHC: 1.000491	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của.
36	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG Mã TTHC: 1.000510	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một

					số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của.
37	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG Mã TTHC: 1.005184	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
38	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG Mã TTHC: 1.000649	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
39	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG Mã TTHC: 1.005372	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
40	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG Mã TTHC: 1.000706	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

41	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG Mã TTHC: 2.000146	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
42	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG Mã TTHC: 1.000387	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
43	Cấp Giấy phép phân phối rượu Mã TTHC: 1.003977	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	- Khu vực các phường: + Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần; + Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000đ/điểm kinh doanh/lần. - Khu vực các xã: + Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần; + Hộ kinh doanh, cá nhân:	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

				200.000đ/điểm kinh doanh/lần.	
44	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép phân phối rượu Mã TTHC: 1.005376	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ.
45	Cấp lại giấy phép phân phối rượu Mã TTHC: 1.003101	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	* Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: - Khu vực các phường: + Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần; + Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000đ/điểm kinh doanh/lần. - Khu vực các xã: + Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần; + Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000đ/điểm kinh doanh/lần. * Trường hợp cấp lại giấy phép	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ.

				do bị mất hoặc bị hỏng: Không	
46	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài Mã TTHC: 2.000026	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Thương mại; - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại; - Nghị định số 128/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
47	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài Mã TTHC: 2.000133	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Thương mại; - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại; - Nghị định số 128/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.
48	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam Mã TTHC: 1.000376	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

					- Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
49	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam Mã TTHC: 1.000361	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
50	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam Mã TTHC: 2.000129	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
51	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam Mã TTHC: 1.000358	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ;

					- Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
52	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam Mã TTHC: 1.000168	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
53	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định Mã TTHC: 2.000604	10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
54	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định Mã TTHC: 2.001675	10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

55	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện Mã TTHC: 2.001665	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
56	Cấp phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế Mã TTHC: 1.001419	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
57	Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam Mã TTHC: 1.000350	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết về việc đăng ký quyền xuất

					khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.
58	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam Mã TTHC: 1.005405	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
59	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam Mã TTHC: 1.005406	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
60	Cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh) Mã TTHC: 1.003438	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

61	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất Mã TTHC: 1.001062	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
62	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác Mã TTHC: 1.000957	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
63	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập Mã TTHC: 1.000905	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

					- Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
64	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu Mã TTHC: 1.000890	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
65	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh Mã TTHC: 1.004155	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
66	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt Mã TTHC: 1.004181	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

					- Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
67	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng Mã TTHC: 2.001758	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
68	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất Mã TTHC: 1.000551	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

69	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật Mã TTHC: 1.000477	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
70	Đăng ký thương nhân hoạt động thương mại biên giới Việt Nam – Lào Mã TTHC: 2.001272	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	Thông tư số 56/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định Thương mại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.
71	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng Mã TTHC: 2.000046	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01/6/2007 của Chính phủ; - Thông tư 48/2011/TT-BCT ngày 25/5/2001 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư 08/2012/TT-BCT ngày 09/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
72	Thủ tục đăng ký kinh doanh tại khu (điểm) chợ biên giới Mã TTHC: 1.002939	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Thông tư 17/2017/TT-BCT ngày 19/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Hướng dẫn thực hiện quy định về khu (điểm) chợ biên giới tại Hiệp định Thương mại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa;

73	Thủ tục lựa chọn thương nhân được phép tái xuất hàng hóa tạm nhập, tái xuất có điều kiện và hàng hóa tạm nhập, tái xuất theo Giấy phép qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới Mã TTHC: 2.001264	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý Ngoại thương; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.
74	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) Mã TTHC: 1.004021	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 4.500.000 đồng /lần thẩm định/hồ sơ	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.
75	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) Mã TTHC: 1.003992	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 4.500.000 đồng /lần thẩm định/hồ sơ	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ;

					- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
76	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) Mã TTHC: 1.004007	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 4.500.000 đồng /lần thẩm định/hồ sơ	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
77	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp Mã TTHC: 1.012427	Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Nghị định số 32/2014/NĐ-CP, trong đó thời hạn giải quyết: Bước 1 thực hiện trong 5 ngày làm việc để thông báo tiếp nhận hồ sơ và 15 ngày để nhận hồ sơ; Bước 2 thực hiện trong 5 ngày làm việc; Bước 3 thực hiện trong 25 ngày; Bước 4 thực hiện trong 7 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.
78	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	14 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 800.000 đồng	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

	Mã TTHC: 1.013411				- Nghị định số 148/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại; - Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực.
79	Cấp Giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Mã TTHC: 1.013412	14 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 19.200.000 đồng	- Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại; - Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
80	Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Mã TTHC: 1.013416	14 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 700.000 đồng	- Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại; - Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
81	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp Mã TTHC: 2.001573	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;

					- Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
82	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương Mã TTHC: 2.000229	20 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
83	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương Mã TTHC: 2.000210	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

					- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
84	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ. Mã TTHC: 1.012569	- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thu hồi đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý. - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ; - Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính.
85	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

	quyền phân phối bán lẻ hàng hóa Mã TTHC: 2.000255				- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
86	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn Mã TTHC: 2.000370	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
87	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí Mã TTHC: 2.000362	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

					- Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
88	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP Mã TTHC: 2.000351	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
89	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài Mã TTHC: 2.000340	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
90	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài Mã TTHC: 2.000330	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

					- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
91	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ” được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP Mã TTHC: 2.000272	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
92	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) Mã TTHC: 2.000361	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

					- Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
93	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) Mã TTHC: 1.000774	55 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục ENT.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
94	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ Mã TTHC: 2.000339	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
95	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

	cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ² Mã TTHC: 2.000334				- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
96	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại Mã TTHC: 2.000322	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
97	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini Mã TTHC: 2.002166	55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

					- Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
98	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ Mã TTHC: 2.000665	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
99	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ Mã TTHC: 1.001441	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
100	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động Mã TTHC: 2.000662	55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

					- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
101	Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Mã TTHC: 1.013399	- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt có trách nhiệm phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt của cơ quan thẩm định.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
102	Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của	- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận tổ chức thẩm định và trình	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết

	của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Mã TTHC: 1.013400	cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt có trách nhiệm phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt của cơ quan thẩm định.			thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
103	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Mã TTHC: 1.001304	50 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển. - Thông tư số 19/2021/TT-BCT ngày 23/11/2021 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai Mã TTHC: 2.001283	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- Khu vực các phường: + Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần; + Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000đ/điểm kinh doanh/lần. - Khu vực các xã: + Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần; + Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000đ/điểm kinh doanh/lần.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai Mã TTHC: 2.001270	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	* Trường hợp cấp lại do hết hạn: - Khu vực các phường: + Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần;	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				+ Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000đ/điểm kinh doanh/lần. - Khu vực các xã: + Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần; + Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000đ/điểm kinh doanh/lần. * Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hỏng cháy, rách, mất: Không quy định	- Thông tư 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai Mã TTHC: 2.001261	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
4	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ)	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Mã TTHC: 2.000633				thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.
5	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh Mã TTHC: 1.001279	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ)	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
6	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh Mã TTHC: 2.000629	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ)	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
7	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu Mã TTHC: 2.000620	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- Khu vực các phường: + Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần;	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				+ Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000đ/điểm kinh doanh/lần. - Khu vực các xã: + Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần; + Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000đ/điểm kinh doanh/lần.	sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.
8	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu Mã TTHC: 2.001240	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	a) Cấp lại trong trường hợp Giấy phép hết hạn: - Khu vực các phường: + Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần; + Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000đ/điểm kinh doanh/lần. - Khu vực các xã: + Tổ chức, doanh nghiệp: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần;	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				+ Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000đ/điểm kinh doanh/lần. b) Cấp lại trong trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: Không quy định	
9	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu Mã TTHC: 2.000615	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
10	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý Mã TTHC: 1.012568	Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương xem xét, quyết định giao tài sản.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ; - Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
11	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ Mã TTHC: 1.012569	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định thực hiện việc thu hồi	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ. - Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính.
12	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện Mã TTHC: 2.001384	25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
13	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã Mã TTHC: 2.000206	20 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN BỊ BÃI BỎ

STT	MÃ TTHC	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Văn bản QPPL quy định nội dung bị bãi bỏ
1	1.000473	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
2	2.002744	Điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
3	2.002745	Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
4	2.002746	Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
5	2.000599	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.